

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2020/HNGĐ – ST  
Ngày: 27 – 11 – 2020  
V/v “Tranh chấp chia tài sản  
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bùi Phương Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Việt.

2. Ông Lê Thành Thật.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 322/2020/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 366/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Kim C, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 381H/20 đường Nguyễn Thành Sơn, Khóm Bình Thới 3, phường B K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Thanh V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 204/22/32, khóm Tây Khánh 4, phường M H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 07/5/2020, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim C trình bày:***

Bà Bùi Thị Kim C và ông Ngô Thanh V là vợ chồng, ông bà đã ly hôn theo bản án số 47/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Trong thời gian sống chung thì vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là diện tích đất 171,9m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03925, thửa số 89; tờ bản đồ số 73, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 17/11/2011 mang tên Bùi Thị Kim C, Ngô Thanh V. Sau khi ly hôn thì vợ chồng không thỏa thuận phân chia được tài sản chung nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất 171,9m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03925, thửa đất số 89, tờ bản đồ số 73, đất tọa lạc tại phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà C xin được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất, vì diện tích đất này có được là do thời gian bà làm việc tại Trường đại học An Giang được Trường hỗ trợ cho bà mua diện tích đất này, bà C đồng ý đồng ý hoàn 50% giá trị đất mà ông V được nhận.

Biên bản định giá tài sản ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản xác định: 171,9m<sup>2</sup> đất có giá bằng 257.850.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm chục nghìn đồng). Bà C thống nhất với giá đất mà Hội đồng định giá đã định.

***\* Theo các văn bản ý kiến ngày 27/8/2020 và biên bản hòa giải ngày 11/9/2020, bị đơn ông Ngô Thanh V trình bày:***

Ông V thống nhất với ý kiến trình bày của bà C. Sau khi ly hôn thì vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất số CH03925, thửa số 89; tờ bản đồ số 73, với diện tích 171,9m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 17/11/2011 mang tên Bùi Thị Kim C, Ngô Thanh V. Đối với tài sản chung này ông đồng ý chia theo yêu cầu của bà C nhưng ông xin được nhận đất và đồng ý hoàn lại 50% giá trị đất cho bà C.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 27/8/2020 trước đây ông đã gửi cho Tòa án thì ông có yêu cầu chia đôi căn nhà tọa lạc tại số Số 381H/20 đường Nguyễn Thành Sơn, Khóm Bình Thới 3, phường B K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và các tài sản trong căn nhà nêu trên thì tại phiên hòa giải ngày 28/9/2020, ông xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, khi cần ông sẽ tranh chấp với bà C bằng vụ án khác.

Đối với giá trị đất mà Hội đồng định giá đã định theo biên bản định giá ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản thì ông không có ý kiến.

***Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:***

*Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim C trình bày:* Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất số CH03925, thửa số 89; tờ bản đồ số 73, với diện tích 171,9m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 17/11/2011 mang tên Bùi Thị Kim C, Ngô Thanh V. Nguồn gốc đất này có được là do thời gian bà làm việc tại Trường đại học An Giang được Trường hỗ trợ cho bà mua diện tích đất này, trong thời gian đó bà là người đứng ra trả góp hàng tháng cho đến khi thanh toán xong. Trước đây bà có yêu cầu chia đôi tài sản nêu trên thì nay bà yêu cầu Tòa án có xem xét đến công sức đóng góp để cho bà được nhận 60% giá trị tài sản chung của vợ chồng tương đương 154.710.000đ, bà xin nhận đất và sẽ thanh toán 40% giá trị tài sản mà ông V được nhận cho ông V tương đương số tiền 103.140.000đ nhưng bà đồng ý đưa cho ông V 110.000.000đ.

*Bị đơn ông Ngô Thanh V trình bày:* Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà C được xác lập vào năm 2006 đến năm 2018 thì ly hôn. Ông thống nhất với lời trình bày của bà C về tài sản chung của vợ chồng là: Quyền sử dụng đất số CH03925, thửa số 89; tờ bản đồ số 73, với diện tích 171,9m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 17/11/2011 mang tên Bùi Thị Kim C, Ngô Thanh V. Về nguồn gốc đất cũng như việc thanh toán tiền mua đất là đúng như bà C trình bày ông không có ý kiến. Ông vẫn giữ yêu cầu được nhận đất và đồng ý thanh toán cho bà C 50% giá trị tài sản được chia với số tiền là 128.925.000đ (một trăm hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Về chi phí đo đạc, định giá thống nhất như ý kiến của bà C.

Đối với giá trị đất mà Hội đồng định giá đã định theo biên bản định giá ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản thì ông không có ý kiến. Về chi phí đo đạc định giá thống nhất với trình bày của bà C.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Trong thời kỳ hôn nhân bà C, ông V có tạo lập tài sản chung là diện tích đất 171,9m<sup>2</sup>, thửa số 89, tọa lạc tại phường Mỹ Hòa theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp GCN CH03925 ngày 17/11/2011 do UBND thành phố Long Xuyên cấp mang tên Bùi Thị Kim C, Ngô Thanh V. Căn cứ các Điều 33, 34, 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà C chia đôi tài sản quyền sử dụng đất trên là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận. Tuy

nhiên, bà C, ông V đều thể hiện ý kiến được nhận tài sản và thanh toán cho bên kia phần giá trị của biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 20/8/2020. Tại phiên tòa, bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được nhận 60% giá trị tài sản theo công sức đóng góp, đồng thời được quản lý sử dụng diện tích đất nêu trên và hoàn lại cho ông V 40% giá trị tài sản. Xét thấy, tại phiên tòa các đương sự thống nhất nguồn gốc tài sản tranh chấp là từ việc bà C mua trả góp từ sự giới thiệu của trường Đại học An Giang từ năm 2003, đến 2006 thì trả xong. Bà C cho rằng tài sản này bà mua trước khi kết hôn với ông V. Còn ông V thì cho rằng có đóng góp với bà C mua tài sản từ năm 2004 nhưng ông không xác định được số tiền đóng góp là bao nhiêu, đến năm 2011 thì ông mới biết ông và bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ những lời trình bày của đương sự, nhận thấy việc trình bày của bà C là có cơ sở và cần xét công sức đóng góp của bà C, đồng thời nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người vợ nên chấp nhận yêu cầu của bà C được nhận 60% giá trị tài sản theo công sức đóng góp và giao tài sản cho bà C được quyền sử dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Bà C có nghĩa vụ hoàn lại 40% giá trị tài sản cho ông V. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà C tự nguyện hoàn lại cho ông V số tiền 110.000.000 đồng nên chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Tranh chấp giữa bà Bùi Thị Kim C và ông Ngô Thanh V là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Ngô Thanh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên bà C khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:**

Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông V được xác lập từ năm 2006 đến năm 2018 thì kết thúc bằng bản án số 47/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018. Như vậy, các mối quan hệ trong hôn nhân của ông bà được điều chỉnh bởi hai văn bản quy phạm pháp luật là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đây là tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn và thời điểm hai bên chấm dứt mối quan hệ hôn nhân thì Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên Hội đồng xét xử căn cứ những quy định của luật này để giải quyết. Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn áp dụng các chế định

tại Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Đất đai năm 2013 vì những quy định này không khác so với Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Đất đai năm 2003.

[3] *Về nội dung:*

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn là phần diện tích đất 171,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH03925, thửa số 89; tờ bản đồ số 73, với diện tích 171,9m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 17/11/2011 mang tên Bùi Thị Kim C, Ngô Thanh V.

Bà C cho rằng nguồn gốc đất có được là do thời gian bà làm việc tại Trường đại học An Giang nên được nhà trường tạo điều kiện cho bà mua trả góp (thể hiện qua chứng cứ là vào bản sao đơn xin giao đất để làm nhà ở ngày 17/6/2011 và Quyết định giao đất ngày 03/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên), giấy đất là hai vợ chồng đứng tên nhưng thực tế chỉ có mình bà đứng ra trả tiền (từ năm 2003, đến 2006 thì trả xong) nên bà yêu cầu được hưởng 60% giá trị tài sản, bà xin nhận đất và hoàn lại cho ông V 40% giá trị tài sản mà ông V được nhận bà tự nguyện giao cho ông V 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng). Ông V cũng có yêu cầu được nhận đất và thanh toán cho bà C 50% giá trị tài sản được chia với số tiền là 128.925.000đ (một trăm hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bà C, ông V đều thể hiện ý kiến được nhận tài sản và thanh toán cho bên kia phần giá trị.

Qua ý kiến các bên Hội đồng xét xử nhận thấy: Phần diện tích đất 171,9m<sup>2</sup>, có được là từ việc bà C làm việc tại Trường đại học An Giang và bà C cũng là người đứng ra thanh toán tiền mua đất (từ năm 2003, đến 2006 thì trả xong) điều này được ông V thừa nhận, do đó lời trình bày của bà C là có căn cứ phù hợp với Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được xem là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, xét về công sức đóng góp thì bà C là người đóng góp nhiều hơn ông V trong việc tạo lập được khối tài sản chung đồng thời nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người vợ nên việc bà C yêu cầu được 60% giá trị tài sản tương đương 154.710.000đ là phù hợp với khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin nhận đất của các bên: Hiện nay bà C đang sống ở Long Xuyên và đang quản lý phần diện tích đất này, hơn nữa nguồn gốc đất có được có nhiều công sức đóng góp của bà C. Trong khi ông V hiện nay công tác tại Cần Thơ và không thường sinh sống ở Long Xuyên. Xét về nhu cầu của các bên thì bà C là người có nhu cầu sử dụng tài sản này hơn nên việc bà C xin nhận đất và hoàn lại cho ông V phần giá trị tài sản mà ông V được nhận là có căn cứ nên được chấp nhận. Bà C phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông V 40% giá trị tài

sản mà ông V được nhận với số tiền mà bà C tự nguyện giao cho ông V là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

[4] Về chi phí tố tụng khác: Bao gồm chi phí chi phí đo đạc 1.246.300đ và chi phí thẩm định, định giá 1.500.000 đồng bà C đã tạm ứng, bà C tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này, ông V không phải hoàn trả lại cho bà C.

[5] Về án phí:

Bà C phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là 154.710.000đ (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm mười nghìn đồng)  $\times 5\% = 7.735.000\text{đ}$  (bảy triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 3.125.000đ (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu số 0003105 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên bà C còn phải nộp án phí dân sự là 4.610.000 đ (bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Ông V phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là 103.140.000đ (một trăm lẻ ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)  $\times 5\% = 5.160.000\text{đ}$  (năm triệu một trăm sáu chục nghìn đồng).

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 177, Điều 227, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 105, 106, 107 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 29, 33, 34, 35, 38 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim C đối với bị đơn ông Ngô Thanh V về việc “Chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn”.

Chia tài sản chung là: Diện tích đất 171,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH03925, thửa số 89; tờ bản đồ số 73, với diện tích 171,9m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 17/11/2011 mang tên Bùi Thị Kim C, Ngô Thanh V. Đất có giá trị 257.850.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm chục nghìn đồng).

Giao cho bà Bùi Thị Kim C được quyền sử dụng thửa đất số 89, tờ bản đồ số 73, với diện tích 171,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03925, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 17/11/2011 mang tên Bùi Thị Kim C, Ngô Thanh V. Đồng thời bà Bùi Thị Kim C có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Ngô Thanh V 40% giá trị đất (tương đương số tiền 103.140.000đ) nhưng bà C tự nguyện giao cho ông V số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

Bà Bùi Thị Kim C có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về chi phí tố tụng: Công nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Kim C chịu chi phí đo đạc 1.246.300đ (một triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm đồng) và chi phí thẩm định, định giá 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), bà C đã nộp đủ. Ông Ngô Thanh V không phải hoàn trả lại.

[3] Về án phí: Bà C phải chịu 7.735.000đ (bảy triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 3.125.000đ (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu số 0003105 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên bà C còn phải nộp thêm án phí dân sự là 4.610.000đ (bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng). Ông V phải chịu án phí dân sự là 5.160.000đ (năm triệu một trăm sáu chục nghìn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Phương Quyền**